TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Luân Văn Lý
2. Ông Nông Văn Vụ

***Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị T - sinh năm 1987; dân tộc: tày;

HKTT: tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện tại khi ly hôn: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T - sinh năm 1987; dân tộc: tày;

HKTT: tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện tại khi ly hôn: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đàm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đàm Thị T và anh Hoàng Văn T kết hôn vào ngày 04/6/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ

cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới cả hai vợ chồng đều là công nhân.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sa vào tệ nạn xã hội, cờ bạc, rượu chè và nghiện ma túy, thậm trí anh T đã đem tài sản của vợ chồng đó là xe máy và máy tính của con đem đi bán, anh T không còn chăm lo đến gia đình, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra có xô xát, cãi chửi nhau và có hàng xóm biết. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên khuyên bảo và hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: quá trình chung sống chị T và anh T có 01 con chung tên là Hoàng Đàm Quốc T (giới tính: nam) - sinh ngày 28/7/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T nhất trí tôn trọng sự lựa chọn của con về việc con chung sống với ai thì người đó sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con sẽ có trách nhiệm đóng góp 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và nhất trí mức đóng góp 1.000.000 đồng/tháng mà anh T đưa ra.

- Về tài sản chung: chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2018 và các biên bản hòa giải bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh T nhất trí với ý kiến của chị T về điều kiện và thời gian kết hôn. Anh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhưng không xảy ra xô xát. Bản thân anh T thừa nhận thỉnh thoảng đi làm có sử dụng rượu bia nhưng anh vẫn chăm lo cho gia đình. Do vợ chồng đi làm mỗi người một nơi nên sống xa nhau chứ không phải sống ly thân, anh T và con vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm chị T. Anh T thừa nhận trước đây có sử dụng ma túy nhưng anh T đã ngừng sử dụng và tu trí làm ăn, anh T khẳng định vẫn luôn chăm lo gia đình, chăm sóc con cái và quan tâm đến bố mẹ vợ. Mặc dù chị T đi làm công nhân ở xa nhưng anh và con chung vẫn chung sống với bố mẹ vợ. Anh T có mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: quá trình chung sống anh T và chị T có 01 con chung tên là Hoàng Đàm Quốc T (giới tính: nam) - sinh ngày 28/7/2010. Quá trình hòa giải anh T nhất trí với ý kiến của chị T là tôn trọng sự lựa chọn của con về việc con chung sống với ai thì người đó sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con sẽ có trách nhiệm đóng góp 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T thay đổi ý kiến là được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 23/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành lấy ý kiến của cháu Hoàng Đàm Quốc T là con chung của chị T và anh T, theo đó cháu cho rằng trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với chị T, vì chị T quan tâm và có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn.

Ngày 02/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành lấy lời khai của bà La Thị N (mẹ đẻ của chị T và là mẹ vợ của anh T) để xác định về mâu thuẫn giữa chị T và anh T. Theo đó, bà N cho biết: sau khi kết hôn hai con chung sống với tôi cho đến nay. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2017 (đầu năm) thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sâu xa là anh T nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, có xô xát xảy ra nhưng không để lại thương tích. Mâu thuẫn xảy ra không liên tục nhưng nhiều lần. Sau vài lần mâu thuẫn chị T bỏ nhà đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, thi thoảng có về thăm nhà. Từ đó vợ chồng sống ly thân nhưng con rể (anh T) vẫn chung sống với tôi tại nhà riêng để chăm sóc con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy chị T và anh T về mặt tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn, anh không nhất trí ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để khắc phục tình cảm của vợ chồng. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không thể hàn gắn được, do đó cần thiết cho chị T và anh T ly hôn. Về con chung: nên giao con chung là Hoàng Đàm Quốc T cho chị T nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con: anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo sự thỏa thuận của các bên đương sự là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị T và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét. Từ những phân tích trên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; xử chấp nhận đơn ly hôn của bà Đàm Thị T được ly hôn Hoàng Văn T; về con chung: 01 con chung Hoàng Đàm Quốc T, sinh ngày 04/6/2010 cho bà T nuôi dưỡng giáo dục, ông T nhất trí đóng góp nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành; tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: chị Đàm Thị T viết đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với anh Hoàng Văn T, bị đơn là anh Hoàng Văn T có nơi cư trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay chuyển nơi sinh sống tại: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

[2] Về hôn nhân: chị Đàm Thị T và anh Hoàng Văn T kết hôn vào ngày 04/6/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đàm Thị T và anh Hoàng Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn; anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, qua việc trình bày của các bên đương sự xét thấy tình trạng hôn nhân của hai bên hiện nay đã đến mức trầm trọng, điều đó được thể hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị T và anh T không gặp gỡ để hòa giải hàn gắn, không tìm hướng giải quyết để đoàn tụ gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải và tạo điều kiện về mặt thời gian cho các bên đoàn tụ gia đình nhưng kết quả các bên không thể đoàn tụ được; tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn vì không còn tình cảm và không thể sống chung kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng; anh T có yêu cầu được đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra được phương hướng khắc phục tình cảm và không được chị T chấp thuận. Vì vậy, xét thấy chị T và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó, trong khi đó quyền và nghĩa vụ vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do đó, cho chị T được ly hôn với anh T theo như yêu cầu của chị T cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về con chung: chị T và anh T có 01 con chung tên là Hoàng Đàm Quốc T (giới tính: nam) - sinh ngày 28/7/2010. Sau khi ly hôn các bên đương sự không thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con; chị Đàm Thị T và anh T đều yêu cầu quyền trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên về phần đóng góp cấp dưỡng các bên đã thỏa thuận được với nhau nếu bên nào không trực tiếp nuôi con sẽ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay con chung đang ở với chị T và anh T tại nhà bà La Thị N (mẹ đẻ chị T), cả hai anh chị đều không có nơi ở riêng; nhưng xét thấy cháu T đã lớn lên trong môi trường gia đình bà ngoại (La Thị N) từ khi sinh ra cho đến nay, chị T sống chung với gia đình bố mẹ đẻ; do đó, khi ly hôn về con chung giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung đến khi con đủ 18 là phù hợp, cần thiết, không làm xáo trộn cuộc sống của con chung và vẫn đảm bảo điều kiện vật chất, nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung, đồng thời đây cũng là nguyện vọng của cháu Hoàng Đàm Quốc T. Nên hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T là giao con cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con hàng tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi .

[5] Về tài sản chung: chị T và anh T đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: chị Đàm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn. Anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đàm Thị T và anh Hoàng Văn T.

[2] Về nuôi con chung: giao con chung tên là Hoàng Đàm Quốc T (giới tính: nam) - sinh ngày 28/7/2010 cho chị Đàm Thị T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T sẽ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là: 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

[3] Về chia tài sản chung: không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng do các bên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn. Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ nhà nước. Chị Đàm Thị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000307 ngày 20/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, nay được trừ vào số tiền án phí chị T phải nộp. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

[5]Về quyền kháng cáo: chị Đàm Thị T và anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nông Quốc Hùng